

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HS-ST

Ngày 10-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm

2. Ông Thông Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 22/5/2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Anh Q**, sinh năm 1987; nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: thầy thuốc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V; vợ: bà Hoàng Thị Y; con: 02 người con lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa)

2. **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1958; nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Đinh Thị H2 (đã chết); vợ: bà Nguyễn Thị Thanh V; con: 03 người con lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Trần Xuân N1 – Văn phòng luật sư Xuân Nam thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: số 43/3A Nguyễn Ảnh Thủ, ấp O, xã X1, huyện Y1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại: ông Võ Văn N2 – sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Trần Văn Đ – Công ty Luật TNHH MTV Bình Thuận thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

Địa chỉ: số 16 đường Phạm Hùng, phường F, thành phố J, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Xuân H4 – sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn S, xã W, huyện E, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Thanh V – sinh năm 1967; (có mặt)

+ Ông Vũ Tiến H1 – sinh năm 1958; (có mặt)

+ Anh Võ Quốc T – sinh năm 2007; (có mặt)

+ Ông Nguyễn Anh N – sinh năm 1990. (có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, ông Võ Văn N2 có mua một thửa đất của gia đình bị cáo Nguyễn Văn C. Ông N2 cho rằng gia đình bị cáo C bán đất cho ông không đúng diện tích như đã thỏa thuận nên giữa ông N2 và gia đình bị cáo C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần.

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 20/01/2023, ông N2 cầm 01 cây dao tự chế đứng ở phần đất của mình chửi bới gia đình bị cáo C “ăn cướp” thì giữa bị cáo C và N2 xảy ra cãi nhau. Do bức tức nên bị cáo C cầm 01 đoạn cây gỗ (dùng để trồng xe máy) ném mạnh về phía của ông N2, thấy vậy ông N2 cầm dao xông đến chỗ bị cáo C thì có bị cáo Nguyễn Anh Q (là con ruột của bị cáo C) đang đứng ở gần đó cầm 01 đoạn cây bằng kim loại (trước đó mang theo) giằng co với ông N2. Quá trình giằng co thì Q bị cây dao của ông N2 chém trúng người gây vết thương rách da ở mặt và trầy xước ở ngực; Q dùng cây kim loại đánh trúng vào vùng đầu của ông N2 gây thương tích, rồi dùng chân đạp ông N2 ngã xuống đất và tiếp tục dùng cây kim loại đánh vào chân ông N2 gây thương tích. Lúc này, bị cáo C cũng nhặt đoạn cây gỗ đã dùng ném ông N2 trước đó chạy đến đánh 02 cái vào chân của ông N2. Thấy ông N2 đã bị thương nên C và Q không đánh nữa mà để ông N2 đi về nhà. Sau đó, ông N2 trình báo sự việc đến Công an xã Y và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án đề nghị xử lý những người đánh ông gây thương tích.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 657/KLTTCT-TTPYBT ngày 23/10/2023, kết luận về thương tích của ông Võ Văn N2 như sau:

Vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước: (02x0,1)cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01%.

Vết thương phần mềm 1/3 trên mặt trước cẳng chân trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước: (02x0,3)cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

Vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt trước cẳng chân phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước: (1,5x0,1)cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01%.

Chấn thương đầu gối hiện không để lại dấu vết, không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%.

Các vết thương do vật tày gây ra.

Vết thương vùng đỉnh đầu có chiều hướng lực tác động từ trên xuống dưới; các vết thương cẳng chân trái – phải có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

Về vật chứng đã thu giữ được trong vụ án: 01 cây dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, bản hình chữ nhật có kích thước (40x07)cm, dày 0,2cm, cán làm bằng ống kim loại hình trụ tròn dài 60cm; 01 cây gậy dài 01m hình bán nguyệt.

Về dân sự: quá trình điều tra ông N2 và các bị cáo có thỏa thuận bồi thường cho ông N2 số tiền 18.780.000 đồng, tại Tòa án ông N2 chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.120.000 đồng và được các bị cáo đồng ý. Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Q và C nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại cho ông N2.

Cáo trạng số 53/CT-VKSHTN-HS ngày 16/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận truy tố Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Luật sư Trần Xuân N1 bào chữa cho các bị cáo trình bày: tôi không đồng ý việc Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, bởi: bị cáo Q và bị cáo C có hành vi gây thương tích cho bị hại trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi chửi bới và đe dọa của bị hại gây ra nên thân chủ của tôi không phạm tội, cụ thể: do ông N2 rượt đuổi và dùng dao tự chế chém bị cáo Q đã gây cho các bị cáo không kiềm chế được mới có hành vi chống trả lại dẫn đến gây thương tích cho ông N2; mặt khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể 03% của ông N2 thì không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, với hành vi thường xuyên chửi bới, đe dọa giết người của ông N2 đối với thân chủ của tôi thì tôi yêu cầu Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ hành vi có dấu hiệu của tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại Điều 155 Bộ luật hình sự và tội “Đe dọa giết người” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi như đã khai tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng số 53/CT-VKSHTN-HS ngày 16/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố, thừa nhận đã gây ra thương tích cho ông N2, xin lỗi vì đã gây thương tích cho ông N2; thống nhất với phần trình bày bào chữa của luật sư Trần Xuân N1, trong phần trình bày lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo đề nghị của Luật sư bào chữa. Về bồi thường thiệt hại: các bị cáo đồng ý bồi thường cho ông N2 số tiền 18.120.000 đồng như thỏa thuận trước đây nhưng với điều kiện ông N2 phải rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án, trường hợp ông N2 không rút yêu cầu khởi tố vụ án thì các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường theo các chứng từ tiền thuốc mà ông N2 cung cấp được.

Bị hại ông Võ Văn N2 trình bày: tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi đã gây ra cho tôi. Về dân sự: tôi yêu cầu bị cáo Q và bị cáo C phải bồi thường tổng số tiền: 62.000.000 đồng (trong đó, bồi thường tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng; tiền công lao động bị mất 42 ngày (12 ngày nằm viện và 30 ngày sau điều trị) mỗi ngày 500.000 đồng với tổng số tiền 21.000.000 đồng; tiền công lao động của người chăm sóc khi nằm viện 12 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng với tổng số tiền 6.000.000 đồng; tiền xe cấp cứu đi và về: 1.000.000 đồng; tiền thuốc 4.000.000 đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Võ Văn N2 là luật sư Trần Văn Đ trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nhưng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất tại phiên tòa không phù hợp với tính chất phạm tội của các bị cáo; quá trình điều tra chưa thực hiện việc truy tìm vật chứng là cây kim loại mà bị cáo Q sử dụng để đánh ông N2 là vi phạm tố tụng hình sự; ngoài ra, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề bồi thường dân sự trong vụ án này để đảm bảo quyền lợi cho ông N2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân H4 trình bày: tôi là người chăm sóc ông N2 khi ông N2 điều trị tại bệnh viện từ ngày 20/01/2023 đến ngày 31/01/2023, ông N2 đã trả công cho tôi số tiền 500.000 đồng/ngày. Nay tôi không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu ý kiến: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C như Cáo trạng số 53/CT-VKSHTN-HS ngày 16/4/2024.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự để tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”; đề nghị căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134, các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử tách phần dân sự để xử lý sau và tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo Q và bị cáo C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về xử lý vật chứng: đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy 01 cây gỗ dài 01m hình bán nguyệt. Riêng đối với vật chứng là 01 cây dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, bản hình chữ nhật có kích thước (40x07)cm, dày 0,2cm, cán làm bằng ống kim loại hình trụ tròn dài 60cm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục tạm giữ để xử lý sau khi giải quyết tin báo về tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án, lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở để kết luận: giữa bị cáo Q, bị cáo C và ông Võ Văn N2 có tranh chấp đất đai với nhau (đang được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ án dân sự) nên đã xảy ra cự cãi nhiều lần. Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/01/2023, ông N2 cầm 01 cây dao tự chế đứng ở phần đất của mình chửi bới gia đình bị cáo C “ăn cướp”, thấy vậy bị cáo C và bị cáo Q có ra cự cãi với ông N2. Do bức tức nên bị cáo C cầm 01 đoạn cây gỗ (trước đó bị cáo C dùng để trồng xe máy) ném mạnh về phía của ông N2, thấy vậy ông N2 cầm dao có sẵn trên tay xông đến chỗ bị cáo C thì bị cáo Q (là con ruột của bị cáo C) đang đứng ở gần đó chạy đến và cầm 01 đoạn cây bằng kim loại mang sẵn trên người giằng co với ông N2; quá trình giằng co thì Q bị cây dao của ông N2 chém trúng gây vết thương rách da ở mặt và trầy xước ở ngực, do bị đau nên Q sinh bức tức và dùng cây kim loại mang theo trước đó đánh trúng vào vùng đầu của ông N2 gây thương tích, rồi dùng chân đạp ông N2 ngã xuống đất và tiếp tục dùng cây kim loại đánh vào chân ông N2 nhiều lần gây thương tích. Lúc này, bị cáo C cũng nhặt đoạn cây gỗ mà trước đó đã ném vào người ông N2 chạy đến đánh 02 cái vào chân của ông N2, hậu quả là ông N2 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 03%. Sự việc được con ông N2 là anh Võ Quốc T quay lại bằng điện thoại và cung cấp đoạn video cho Cơ quan điều tra. Căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ và diễn biến tại biên tòa, Hội đồng xét xử xác định khi thực hiện hành vi dùng hung khí gây thương tích cho ông N2 thì bị cáo Q và bị cáo C nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, việc xô xát dẫn đến thương tích cho bị hại xuất phát từ việc cự cãi giữa hai bên, đỉnh điểm là khi bị cáo C lấy cây gỗ ném vào người bị hại dẫn đến bị hại phản kháng và xảy ra xô xát. Hành vi dùng hung khí gây thương tích cho ông N2 của bị cáo Q và bị cáo C đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự nên ý kiến bào chữa của luật sư Trần Xuân N1 như đã nêu không có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C với tội danh và điều khoản như trên là đúng pháp luật, không oan.

[3] Hội đồng xét xử thấy, trong vụ án Cơ quan điều tra không thực hiện việc truy tìm vật chứng là 01 đoạn cây bằng kim loại mà bị cáo Q sử dụng để gây thương tích cho ông N2 là có vi phạm tố tụng hình sự, nhưng đây không phải là chứng cứ duy nhất trong vụ án để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Q nên vi phạm này không nghiêm trọng, tuy nhiên cần rút kinh nghiệm.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người, ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương; hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực

tiếp. Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành tích cực.

[5] Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để đảm bảo cho việc bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; sự việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại; ngoài ra, mẹ của bị cáo C và là bà nội của bị cáo Q là bà Đinh Thị H2 là người có công với cách mạng. Do đó, bị cáo Q và C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quá trình tố tụng thấy được sự ăn năn, hối hận của các bị cáo đối với hành vi phạm tội đã thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội nên áp dụng Điều 65 đối với bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C để cho các bị cáo cơ hội được cải tạo có điều kiện tại cộng đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án này là cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho bị hại. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tách phần dân sự để xử lý sau không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu bồi thường của ông Võ Văn N2, Hội đồng xét xử thấy chỉ có cơ sở để chấp nhận một phần, cụ thể: mâu thuẫn giữa các bị cáo và bị hại đã xảy ra từ lâu, nhiều lần cự cãi nên tinh thần hai bên đều bị xâm phạm, việc ông N2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng là không có cơ sở, với hành vi phạm tội và thương tích các bị cáo gây ra cho ông N2 chỉ có thể chấp nhận mức 03 tháng lương cơ sở tại thời điểm sự việc xảy ra (ngày 20/01/2023) là $1.490.000 \times 03 \text{ tháng} = 4.470.000$ đồng; đối với tiền công lao động mất: thấy rằng, ông N2 không cung cấp được tài liệu nào chứng minh mức thu nhập nên Hội đồng xét xử chỉ có thể áp dụng mức thu nhập bình quân tại địa phương hiện nay là 300.000 đồng/ngày, với mức độ tổn thương cơ thể theo kết luận giám định và các tài liệu liên quan thì chỉ có thể chấp nhận 12 ngày nằm viện điều trị và 07 ngày nghỉ dưỡng sức sau điều trị là $300.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ ngày} = 5.700.000$ đồng; đối với yêu cầu bồi thường tiền công lao động của người chăm sóc ông N2 trong thời gian nằm viện Hội đồng cũng chấp nhận mức $300.000 \text{ đồng/ngày} \times 12 \text{ ngày} = 3.600.000$ đồng; đối với tiền xe đưa đi cấp cứu và thuê xe chở về Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ là 1.000.000 đồng; đối với tiền thuốc điều trị: ông N2 chỉ cung cấp được hóa đơn tổng cộng là: 1.283.500 đồng. Do đó, các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông N2 tổng số tiền 16.053.500 đồng, chia theo phần thì bị cáo Q và bị cáo C mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông N2 số tiền 8.026.750 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: vật chứng 01 cây gổ dài 01m hình bán nguyệt là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần phải tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với vật chứng là 01 cây dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, bản hình chữ nhật có kích thước (40x07)cm, dày 0,2cm, cán làm bằng ống kim loại hình trụ tròn dài 60cm của ông Võ Văn N2 xét

thấy không xử lý trong vụ án này mà cần tiếp tục tạm giữ để xử lý khi giải quyết tin báo về tội phạm sau.

[9] Về án phí sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Anh Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; ông Võ Văn N2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về dân sự không được Tòa án chấp nhận.

[10] Về hành vi chửi bới, đe dọa của ông Võ Văn N2 đối gia đình bị cáo Q và bị cáo C như đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo đã trình bày, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ theo nguồn tin tố giác tội phạm.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh Q 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn C 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 cây gậy dài 01m hình bán nguyệt.

Tiếp tục tạm giữ để xử lý sau đối với 01 cây dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, bản hình chữ nhật có kích thước (40x07)cm, dày 0,2cm, cán làm bằng ống kim loại hình trụ tròn dài 60cm.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận)

4. Trách nhiệm dân sự: căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho ông Võ Văn N2 tổng số tiền: 16.053.500 đồng. Chia theo phần thì bị cáo Nguyễn Anh Q có nghĩa vụ bồi thường số tiền 8.026.750 đồng, bị cáo Nguyễn Văn C có nghĩa vụ bồi thường số tiền 8.026.750 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Anh Q và bị cáo Nguyễn Văn C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004522 ngày 26/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bảo đảm cho việc thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: căn cứ điểm d, đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Anh Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 401.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn C được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn N2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

